

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 682/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 31/7/2017

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Nguyễn Lê Thiên Hương**

2/ Bà **Võ Thị Mỹ Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm** – Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2017/TLPT-HNGĐ ngày 29/5/2017 về việc “Ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 322/2017/HNGĐ-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 474/2017/QĐ-PT ngày 28/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Anh T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: 102 Phổ Quang, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ : 84/2 Tân Sơn Nhì, Phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Dương Anh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, không tổ chức lễ cưới đến năm 2013 hai bên tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi kết hôn, bà Thiện chuyển đến thuê nhà sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông ở trong đơn vị. Vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do khác biệt nhau về tuổi tác, trình độ văn hóa, cách cư xử. Trong cuộc sống chung bà Thiện thường dùng những lời đe dọa tạo áp lực tinh thần cho ông và gia đình ông. Khoảng hơn một năm nay hai bên đã ly thân, không còn liên lạc với nhau, mỗi lần gặp nhau là bà Thiện tìm cách gây rối. Bà Thiện thường đến đơn vị của ông gọi điện thoại gây rối chỉ huy đơn vị, đòi tự tử tại cổng gác đơn vị và thường xuyên gửi thư phản ánh sai sự thật đến nơi ông công tác. Đơn vị ông là Lữ đoàn 23 đã mời ông và bà Thiện lên làm việc (đính kèm Công văn số 726/LĐ-TM ngày 18/9/2016 của Lữ đoàn 23, Quân khu 7), ông rất xấu hổ với Thủ trưởng và anh em trong đơn vị về hành vi của bà Thiện nhưng sau đó bà Thiện vẫn tiếp tục những hành vi trên nhằm tạo áp lực nặng nề cho ông và hiện nay đe dọa, nhắn tin cho ông nếu ông ly hôn thì sẽ thuê người đánh ông.

Nay ông không còn tình cảm với bà Thiện, ông không thể tiếp tục chung sống với bà Thiện; đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Xác nhận đôi bên tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, không tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Tây Ninh, đến năm 2014 hai vợ chồng về sống tại Sài Gòn, hai bên thuê nhà nhiều nơi, đến tháng 7/2016 vợ chồng thuê nhà tại địa chỉ 84/2 Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú. Do đặc thù công việc của ông Tuấn là sĩ quan quân đội nên phải ở nơi đóng quân tại 102 Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình. Khi ông Tuấn xin về được thì về nhà chung sống với nhau. Vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc, không gây cãi, chỉ do đặc thù công việc nên thỉnh thoảng ông Tuấn mới về thăm bà. Do ông Tuấn không về thăm nên bà có đến đơn vị tìm để biết lý do không về. Khoảng hơn một năm nay ông Tuấn không quan tâm đến bà và né tránh gặp bà là do có người phụ nữ khác nhưng bà không có chứng cứ gì để chứng minh.

Bà xác nhận có đến gặp thủ trưởng đơn vị của ông Tuấn để trình bày và to tiếng tại đây là do ông Tuấn né tránh không chịu gặp bà.

Nay ông Tuấn yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì còn thương ông Tuấn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 322/2017/HNGĐ-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Dương Anh T được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 167/2013, quyển số I/2013 ngày 17/12/2013 do Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Dương Anh T và bà Nguyễn Thị T không còn giá trị kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: hai bên xác nhận không có nên Tòa án không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: hai bên xác nhận không có.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/4/2017, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 322/2017/HNGĐ-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Dương Anh T vẫn giữ yêu cầu ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Về con chung và tài sản chung không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương chồng, bà xác nhận trong lúc nóng giận có lời nói xúc phạm, hờn với chồng nhưng mong được tha thứ, mong bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục sống chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

Về nội dung: Bản án sơ thẩm nhận định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng và kéo dài, ông Tuấn không còn tình cảm với vợ, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Thiệu kháng cáo.

Tại cấp phúc thẩm bà Thiện yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp gì để giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm. Về con chung: không có. Tài sản chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị T và ông Dương Anh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2011 đến năm 2013 có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 167/2013, quyển số 01/2013 ngày 17/12/2013. Như vậy hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng duy trì hôn nhân hạnh phúc bình thường được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời khai ông Tuấn thì mâu thuẫn vợ chồng là do có khác biệt về tuổi tác, trình độ văn hóa và cách cư xử thiếu tôn trọng nhau. Bà Thiện xác nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà có lời nói xúc phạm, xung hô mày tao với chồng nhưng đó chỉ là lúc nóng giận, nói đùa với chồng. Bà mong muốn ông Tuấn tha thứ, bỏ qua tất cả để vợ chồng làm lại từ đầu, tiếp tục sống chung với nhau vì bà vẫn còn thương chồng. Từ hơn 01 năm nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm trách nhiệm gì với nhau. Ông Tuấn không đồng ý tiếp tục sống chung với nhau vì tình cảm đối với bà Thiện không còn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau và kể từ khi ông Tuấn nộp đơn ly hôn bà Thiện không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp tích cực để đoàn tụ gia đình mà vẫn mạnh ai nấy sống nên hôn nhân giữa đôi bên lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào những mâu thuẫn thực tế trong gia đình, căn cứ vào tình nghĩa giữa vợ chồng chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dương Anh T là có cơ sở pháp luật. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thiện không đồng ý ly hôn với ông Tuấn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về con chung và tài sản chung : ông Tuấn và bà Thiện xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Tuấn phải chịu, án phí dân sự phúc thẩm bà Thiện phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật án phí và lệ phí ;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Dương Anh T được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 167/2013, quyển số 01/2013 ngày 17/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: hai bên xác nhận không có

3. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác nhận không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng ông Dương Anh T phải chịu, căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng ông Tuấn đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0025243 ngày 26/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Tuấn đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu, căn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Thiện đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0009028 ngày 26/4/2017

của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thiện đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân quận Tân Phú, TP HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP HCM;
- Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung